

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Hùng

2. Ông Trần Thanh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Âu Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ Y sinh năm: 1973

Địa chỉ: đội A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị Y có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ Y trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có tính gia trưởng, hay ghen tuông đánh đập chị, chị có khuyên nhưng anh T không sửa đổi nên chị và anh T sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Công B, sinh năm: 1999 đã trưởng thành và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, còn con lớn Nguyễn Công B đã trưởng thành

nên chị không yêu cầu gì. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Tại phiên tòa chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Mỹ Y và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1998 đến ngày 08 tháng 11 năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị Y trình bày đến cuối năm 2017 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T có tính gia trưởng, hay ghen tuông đánh đập chị. Còn anh T thì vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần xem như anh từ bỏ quyền trình bày để bảo vệ quyền lợi cho mình chứng tỏ anh T không quan tâm đến quan hệ vợ chồng. Mặt khác chị Y và anh T có thời gian dài không còn chung sống với nhau cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Y ly hôn với anh T là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Công B, sinh năm: 1999 đã trưởng thành và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 hiện đang sống với chị Y, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con nhỏ là cháu Đ, còn con lớn là Nguyễn Công B đã trưởng thành nên chị không yêu cầu gì. Anh T vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy cháu Đ hiện đang sống với chị Y đã lâu dài và ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu do đó giao cháu Đ cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ mong muốn được sống với chị Y. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh T vắng mặt nên không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng chị Y yêu cầu là 1.200.000 đồng/tháng tuy có cao hơn so với quy định của pháp luật nhưng vẫn còn thấp hơn so với nhu cầu thực tế cho việc nuôi dưỡng cháu Đ đang trong quá trình đi học và phát triển sau này. Do đó cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ Y và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí:

4.1 Chị Nguyễn Thị Mỹ Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08474 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2 Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử

phúc thẩm. Đối với anh T thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã C,
huyện D, tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

